

Số: 182/BCTN-TMXM

Hà Nội, ngày 07 tháng 3 năm 2019

V/v báo cáo thường niên năm 2018

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

**Tên công ty: Công ty cổ phần Vicem Thương mại xi măng.**

**Năm báo cáo: Năm 2018**

### **I. Thông tin chung của Công ty:**

#### **1. Thông tin khái quát:**

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Vicem Thương mại xi măng.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100105694
- Vốn điều lệ: 60.000.000.000 đồng.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 60.000.000.000 đồng.
- Địa chỉ: Số 348 Đường Giải Phóng, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.
- Số điện thoại: 024 3 8643346
- Số fax: 024 3 8642586
- Website: <http://www.tmx.com.vn>
- Mã cổ phiếu: TMX

#### **2. Quá trình hình thành và phát triển:**

- Ngày thành lập: Công ty thành lập ngày 02/7/2007.
- Thời điểm niêm yết: Ngày 02/11/2009.
- Các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay:
  - + Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty ngày 20/6/2007 đã bầu ra Hội đồng quản trị Công ty gồm có 05 thành viên trong đó ông Vũ Văn Hiệp giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát Công ty gồm có 03 thành viên trong đó ông Đặng Minh Hoàng giữ chức Trưởng Ban Kiểm soát.
  - + Do có sự thay đổi đại diện phần vốn của Hội đồng quản trị Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam (quyết định số: 503/QĐ-XMVN ngày 22 tháng 4 năm 2008), Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty ngày 29/4/2008 đã thông qua để ông Vũ Văn Hiệp thôi giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị và rút khỏi Hội đồng quản trị Công ty; Đại hội đã bầu ông Dương Công Hoàn giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty và bầu bổ sung ông Hoàng Văn Tám vào Hội đồng quản trị Công ty (theo Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị Công ty ngày 25/4/2008).

+ Ngày 07/5/2009 ông Phạm Văn Nhận đã có đơn xin từ chức thành viên Hội đồng quản trị Công ty do chuyển công tác, vì vậy Hội đồng quản trị Công ty đã thống nhất để ông Phạm Văn Nhận thôi giữ chức thành viên Hội đồng quản trị Công ty kể từ ngày 11/5/2009.

+ Để có đủ 05 thành viên như quy định tại Điều lệ Công ty nhằm phát huy năng lực trong lãnh đạo điều hành sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao, ngày 27/8/2009 Hội đồng quản trị Công ty đã họp và thống nhất bầu bổ sung ông Đặng Phúc Tân - Quyền Trưởng phòng Kinh doanh xi măng số 02 vào Hội đồng quản trị Công ty từ ngày 01/9/2009. Ngày 16/4/2010 ông Đặng Phúc Tân đã có đơn đề nghị miễn nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị Công ty, Hội đồng quản trị Công ty đã họp phiên bất thường ngày 16/4/2010 và thống nhất để ông Đặng Phúc Tân thôi giữ chức thành viên Hội đồng quản trị Công ty kể từ ngày 16/4/2010.

+ Ngày 15/4/2010 Hội đồng quản trị Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam ban hành quyết định số 496/QĐ-XMVN về việc Cử người đại diện quản lý và điều chỉnh tỷ lệ nắm giữ phần vốn Nhà nước của Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam (Vicem) tại Công ty cổ phần Thương mại xi măng. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 ngày 22/4/2010 đã bầu bổ sung bà Trần Thị Minh Anh vào Hội đồng quản trị và giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty.

+ Hội đồng quản trị Công ty thống nhất việc tiếp nhận và bổ nhiệm Ông Trần Quang Tuấn giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty từ ngày 01/10/2009.

+ Ngày 15/9/2011 Công ty đã đổi tên thành Công ty cổ phần Vicem Thương mại xi măng.

+ Công ty đã lập dự án Nhà ở cao tầng kết hợp dịch vụ thương mại tại ngõ 1, phố Phan Đình Giót và dự án Khu nhà ở kết hợp thương mại dịch vụ tại Vĩnh Tuy, nhưng do tình hình khó khăn trong công tác đầu tư xây dựng, từ cuối năm 2012 Hội đồng quản trị Công ty đã quyết định tạm dừng đầu tư xây dựng 02 dự án này trong thời gian khoảng 03 năm.

+ Tháng 4/2012: Ông Nông Tuấn Dũng và ông Hoàng Văn Tám thôi giữ chức thành viên Hội đồng quản trị Công ty; Ông Đặng Minh Hoàng và bà Nguyễn Thị Tuyết thôi giữ chức thành viên Ban Kiểm soát Công ty do hết nhiệm kỳ. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 của Công ty đã bầu Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát Công ty nhiệm kỳ mới 2012 - 2017. Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2012 - 2017 có 05 thành viên, trong đó có 03 thành viên cũ là bà Trần Thị Minh Anh, ông Dương Công Hoàn, ông Đình Xuân Cầm và 02 thành viên mới là bà Phan Thị Tố Oanh và ông Đỗ Ngọc Thạch. Ban Kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2012 - 2017 có 03 thành viên, trong đó có 01 thành viên cũ là bà Tô Thị Minh Phượng và 02 thành viên mới là bà Trần Thị Hải Nga (Trưởng ban) và bà Lê Thị Hồng Thu (thành viên) theo đúng quy định.

+ Từ ngày 01/6/2013 ông Trần Quang Tuấn thôi giữ chức Phó Giám đốc Công ty do chuyển công tác về Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam theo quyết định số 349/QĐ-TMXM ngày 31/5/2013.

+ Từ ngày 01/7/2013 Công ty giải thể phòng Quản lý dự án và kỹ thuật đầu tư xây dựng và phòng Kinh doanh Vật liệu xây dựng theo quyết định số 439/QĐ-TMXXM ngày 25/6/2013.

+ Từ ngày 15/7/2013 ông Đặng Phúc Tân được bổ nhiệm giữ chức Phó Giám đốc Công ty theo quyết định số 489/QĐ-TMXXM ngày 11/7/2013.

+ Trong năm 2013 Công ty đã bổ nhiệm và bổ nhiệm lại các chức danh Phó Giám đốc, Trưởng phòng và một số chức danh khác theo đúng quy định.

+ Tháng 7 năm 2014 Công ty đã thành lập 5 Chi nhánh tại Hà Nội trên cơ sở 5 phòng Kinh doanh xi măng của Công ty.

+ Từ tháng 8 đến tháng 10 năm 2014 Công ty đã bổ nhiệm các chức danh Giám đốc, phó Giám đốc, Trưởng ban Tài chính kế toán của 5 Chi nhánh tại Hà Nội và các Chi nhánh đã triển khai hoạt động.

+ Theo quyết định số 2657/QĐ-VICEM ngày 24/12/2014 của Tổng công ty Công nghiệp xi măng Việt Nam ông Dương Công Hoàn thôi tham gia quản lý phần vốn nhà nước của VICEM tại Công ty cổ phần Vicem Thương mại xi măng trị giá 10.800.000.000 đồng, chiếm 18% vốn điều lệ Công ty và ông Ngô Đức Lưu - Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần xi măng Vicem Bút Sơn làm Người đại diện ủy quyền quản lý phần vốn của VICEM tại Công ty với giá trị là 10.800.000.000 đồng, tương ứng với 1.080.000 cổ phần và chiếm 18% vốn điều lệ của Công ty. Tham gia ứng cử vào Hội đồng quản trị Công ty và dự kiến giữ chức vụ Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty.

+ Theo nghị quyết số 948/NQ-HĐQT ngày 27/12/2014 và quyết định số 949/QĐ-TMXXM ngày 27/12/2014 của Hội đồng quản trị Công ty, từ ngày 01/01/2015 ông Dương Công Hoàn thôi giữ chức Thành viên Hội đồng quản trị và thôi giữ chức Giám đốc Công ty do chuyển công tác về Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam.

+ Theo nghị quyết số 948/NQ-HĐQT ngày 27/12/2014 và quyết định số 950/QĐ-TMXXM ngày 27/12/2014 của Hội đồng quản trị Công ty, từ ngày 01/01/2015 ông Ngô Đức Lưu được bầu là Thành viên Hội đồng quản trị và được bổ nhiệm giữ chức Giám đốc Công ty.

+ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 ngày 20/4/2015 đã thông qua việc miễn nhiệm Thành viên Ban Kiểm soát đối với bà Lê Thị Hồng Thu và bầu bổ sung bà Lê Thị Thu Hà vào Ban Kiểm soát Công ty.

+ Theo quyết định số 1204/QĐ-VICEM ngày 12/6/2015 của Tổng công ty Công nghiệp xi măng Việt Nam ông Đinh Xuân Cẩm thôi tham gia quản lý phần vốn nhà nước của VICEM tại Công ty cổ phần Vicem Thương mại xi măng trị giá 6.986.140.000 đồng, chiếm 11,64% vốn điều lệ Công ty và ông Văn Quang Đức - làm Người đại diện ủy quyền quản lý phần vốn của VICEM tại Công ty với giá trị là 6.986.140.000 đồng, tương ứng với 698.614 cổ phần và chiếm 11,64% vốn điều lệ của Công ty. Tham gia ứng cử vào Hội đồng quản trị Công ty.

+ Theo nghị quyết số 642/NQ-HĐQT ngày 29/6/2015 và quyết định số 662/QĐ-TMXXM ngày 30/6/2015 của Hội đồng quản trị Công ty, từ ngày

01/7/2015 ông Đinh Xuân Cầm thôi giữ chức Thành viên Hội đồng quản trị và thôi giữ chức Kế toán trưởng Công ty.

+ Theo nghị quyết số 642/NQ-HĐQT ngày 29/6/2015 và quyết định số 661/QĐ-TMXM ngày 30/6/2015 của Hội đồng quản trị Công ty, từ ngày 01/7/2015 ông Văn Quang Đức được bầu là Thành viên Hội đồng quản trị và được bổ nhiệm giữ chức Trưởng phòng Tài chính kế toán Công ty.

+ Từ ngày 01/7/2015 Công ty giải thể 4 Văn phòng đại diện Công ty tại Vĩnh Phúc, Phú Thọ, Yên Bái và Lào Cai theo quyết định số 647→ 650/QĐ-TMXM ngày 30/6/2015 và giải thể 5 Chi nhánh tại Hà Nội theo quyết định số 651→ 655/QĐ-TMXM ngày 30/6/2015.

+ Từ ngày 01/7/2015 Công ty thành lập Phòng Bán hàng trực thuộc Công ty theo quyết định số 656/QĐ-TMXM ngày 30/6/2015.

+ Từ ngày 01/7/2015 Công ty đổi tên Phòng Thị trường xi măng thành Phòng Kế hoạch - Thị trường trực thuộc Công ty theo quyết định số 657/QĐ-TMXM ngày 30/6/2015.

+ Công ty tạm đình chỉ chức vụ Phó Giám đốc Công ty đối với ông Nông Tuấn Dũng theo quyết định số 789/QĐ-TMXM ngày 15/7/2015 để phục vụ công tác điều tra của cơ quan pháp luật.

+ Từ ngày 01/9/2015 Công ty thành lập Phòng Tổ chức - Hành chính trên cơ sở sáp nhập Phòng Tổ chức lao động và Văn phòng Công ty theo quyết định số 933/QĐ-TMXM ngày 19/8/2015.

+ Theo quyết định số 2812/QĐ-VICEM ngày 30/12/2015 của Tổng công ty Công nghiệp xi măng Việt Nam bà Trần Thị Minh Anh thôi tham gia quản lý phần vốn nhà nước của VICEM tại Công ty cổ phần Vicem Thương mại xi măng trị giá 18.000.000.000 đồng, chiếm 30% vốn điều lệ Công ty và ông Lê Nam Khánh - Thành viên Hội đồng thành viên Tổng công ty Công nghiệp xi măng Việt Nam làm Người đại diện ủy quyền quản lý phần vốn của VICEM tại Công ty với giá trị là 18.000.000.000 đồng, tương ứng với 1.800.000 cổ phần và chiếm 30% vốn điều lệ của Công ty. Tham gia ứng cử vào Hội đồng quản trị Công ty và dự kiến giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty.

+ Theo nghị quyết số 72/NQ-HĐQT ngày 27/01/2016, từ ngày 27/01/2016 bà Trần Thị Minh Anh thôi giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị và thôi tham gia Hội đồng quản trị Công ty; Bổ sung ông Lê Nam Khánh làm thành viên Hội đồng quản trị và giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Vicem Thương mại xi măng.

+ Theo quyết định số 259/QĐ-TMXM ngày 24/3/2016 ông Văn Quang Đức - Trưởng phòng Tài chính kế toán Công ty được bổ nhiệm giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty cổ phần Vicem Thương mại xi măng kể từ ngày 01/4/2016.

+ Ngày 20/4/2017: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 của Công ty đã bầu Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát Công ty nhiệm kỳ mới 2017 - 2022. Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2017 - 2022 có 05 thành viên, cả 05 thành viên đều được tái đắc cử, bao gồm: ông Lê Nam Khánh (Chủ tịch HĐQT), ông Ngô Đức Lưu, ông Văn Quang Đức, bà Phan Thị Tố Oanh và ông Đỗ Ngọc

Thạch. Ban Kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2017 - 2022 có 03 thành viên, trong đó có 02 thành viên cũ là bà Trần Thị Hải Nga (Trưởng ban), bà Lê Thị Thu Hà (thành viên) và 01 thành viên mới là bà Nguyễn Thị Thanh Hiền.

+ Theo quyết định số 678/QĐ-VICEM ngày 17/4/2018 của Tổng công ty Công nghiệp xi măng Việt Nam: ông Lê Nam Khánh thôi đại diện quản lý phần vốn của VICEM tại Công ty cổ phần Vicem Thương mại xi măng, thôi tham gia HĐQT, thôi giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT Công ty; ông Ngô Đức Lưu thôi đại diện quản lý phần vốn của VICEM tại Công ty cổ phần Vicem Thương mại xi măng, thôi tham gia HĐQT, thôi giữ chức vụ Giám đốc Công ty; ông Văn Quang Đức thôi đại diện quản lý phần vốn của VICEM tại Công ty cổ phần Vicem Thương mại xi măng, thôi tham gia HĐQT, thôi giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty; Cử ông Doãn Nam Khánh - Trưởng Ban ATMT&TĐ Vicem đại diện quản lý phần vốn của VICEM tại Công ty đề cử tham gia và giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT Công ty. Cử ông Bùi Văn Luyện - Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Xi măng Hạ Long đại diện quản lý phần vốn của VICEM tại Công ty đề cử tham gia và giữ chức vụ Thành viên HĐQT Công ty, Giám đốc Công ty.

+ Ngày 20/4/2018: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty đã thông qua việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, chủ tịch HĐQT đối với ông Lê Nam Khánh, thông qua việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị đối với ông Ngô Đức Lưu, ông Văn Quang Đức và bầu bổ sung 03 thành viên Hội đồng quản trị gồm ông Doãn Nam Khánh, ông Bùi Văn Luyện, ông Đặng Phúc Tân. HĐQT đã họp và bầu ông Doãn Nam Khánh giữ chức Chủ tịch HĐQT. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty đã thông qua việc miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát đối với bà Nguyễn Thị Thanh Hiền và bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát đối với ông Đặng Thành Công. Ban Kiểm soát đã họp và bầu ông Đặng Thành Công giữ chức Trưởng Ban Kiểm soát. Hội đồng quản trị Công ty đã thống nhất việc miễn nhiệm chức Giám đốc Công ty đối với ông Ngô Đức Lưu từ ngày 24/4/2018, miễn nhiệm chức Kế toán trưởng đối với ông Văn Quang Đức từ ngày 24/4/2018 và bổ nhiệm chức Giám đốc Công ty đối với ông Bùi Văn Luyện từ ngày 24/4/2018.

### 3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh chính:
- + Kinh doanh các loại xi măng;
- + Cho thuê bất động sản;
- Địa bàn kinh doanh: Hà Nội, Vĩnh Phúc, Thái Nguyên, v.v...

### 4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

- Mô hình quản trị của Công ty: Bao gồm Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành (đứng đầu là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, các Trưởng phòng, Giám đốc Chi nhánh).

- Cơ cấu bộ máy quản lý:

+ Công ty có các phòng ban chức năng: Phòng Tổ chức - Hành chính; Phòng Tài chính kế toán; Phòng Kế hoạch - Thị trường.

- + Các đơn vị kinh doanh: Phòng Bán hàng; Chi nhánh tại Thái Nguyên.
- + Trực thuộc các đơn vị kinh doanh là các cửa hàng bán xi măng; Các cửa hàng đại lý, các nhà phân phối cấp 2 của Công ty.
- Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

**5. Định hướng phát triển: Mục tiêu của Công ty năm 2019:**

* Sản lượng mua vào, bán ra	:	1.180.000	tấn
* Tổng doanh thu	:	1.231.247	triệu đồng
* Lợi nhuận trước thuế	:	15.011	triệu đồng
* Nợ ngân sách	:	9.850	triệu đồng
* Tỷ lệ cổ tức	:	7,5	% / năm

**6. Các rủi ro:** Các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh và ảnh hưởng tới việc thực hiện các mục tiêu của Công ty bao gồm:

Rủi ro tín dụng: Là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

**II. Tình hình hoạt động trong năm:**

**1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2018:**

- Kinh doanh tiêu thụ xi măng:

*Đơn vị tính: Tấn.*

CHUNG LOẠI	KẾ HOẠCH NĂM 2018	THỰC HIỆN MUA VÀO			THỰC HIỆN BÁN RA		
		Tổng số	% so với KH	% so 2017	Tổng số	% so với KH	% so 2017
<b>Tổng số</b>	<b>1.520.000</b>	<b>1.134.948</b>	<b>74,7</b>	<b>76,0</b>	<b>1.163.489</b>	<b>76,5</b>	<b>78,8</b>
- Xuất khẩu	300.000	137.070	45,7	38,9	160.998	53,7	49,0
- XM nội địa	1.220.000	997.878	81,8	87,5	1.002.491	82,2	87,3

- Công tác tài chính năm 2018:

*Đơn vị tính: Triệu đồng.*

Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	% so với kế hoạch	% so với năm 2017
- Tổng doanh thu	1.464.731	1.165.661	79,6	80,7
- Lợi nhuận trước thuế	12.513	21.977	175,6	167,7
- Ebitda	13.443	22.763	169,3	162,8
- Nợ ngân sách	8.766	11.531	131,5	115,9
- Tỷ lệ cổ tức dự kiến (%/năm)	7,5	7,5	100,0	100,0

- Công tác lao động tiền lương năm 2018:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch	Thực hiện	% so KH	% so 2017
- Lao động bình quân	người	140	140	100,0	93,3
- Tổng quỹ tiền lương	1.000 đồng	18.500.000	19.260.000	104,1	99,3
- Tiền lương bq người LĐ	đ/người/tháng	10.460.000	10.900.000	104,2	107,7

**2. Tổ chức và nhân sự:**

- Danh sách và tỷ lệ sở hữu cổ phần của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Kế toán trưởng Công ty:

+ Ông Doãn Nam Khánh - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Số cổ phần đại diện nắm giữ: 2.385.614 cổ phần, chiếm 39,76% vốn điều lệ của Công ty.

+ Ông Bùi Văn Luyện - Thành viên Hội đồng quản trị - Giám đốc Công ty.

Số cổ phần đại diện nắm giữ: 1.193.000 cổ phần, chiếm 19,88% vốn điều lệ của Công ty.

+ Ông Đặng Phúc Tân - Phó Giám đốc, Thành viên HĐQT Công ty.

Số cổ phần sở hữu: 12.300 cổ phần, chiếm 0,205% vốn điều lệ của Cty.

+ Ông Đỗ Ngọc Thạch - Thành viên HĐQT Công ty.

Số cổ phần sở hữu: 601.500 cổ phần, chiếm 10,025% vốn điều lệ của Cty.

+ Bà Phan Thị Tố Oanh - Thành viên HĐQT Công ty.

Số cổ phần sở hữu: 11.700 cổ phần, chiếm 0,195% vốn điều lệ của Cty.

+ Ông Trịnh Ngọc Thắng - Phó phòng, Phụ trách phòng TCKT Công ty.

Số cổ phần sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ của Công ty.

- Những thay đổi trong năm của Ban Giám đốc, Kế toán trưởng:

+ Ông Ngô Đức Lưu thôi giữ chức Giám đốc Công ty từ ngày 24/4/2018.

Ông Bùi Văn Luyện được bổ nhiệm giữ chức Giám đốc Công ty từ ngày 24/4/2018.

+ Ông Văn Quang Đức thôi giữ chức Kế toán trưởng Công ty từ ngày 24/4/2018.

Ông Trịnh Ngọc Thắng được bổ nhiệm giữ chức phó phòng, phụ trách phòng Tài chính kế toán từ ngày 21/5/2018.

- Số lượng cán bộ, nhân viên: Số lượng cán bộ, nhân viên tại thời điểm ngày 01/01/2019 là 140 người. Công ty đã và đang thực hiện sắp xếp, bố trí lao động, cơ cấu lại tổ chức theo phương án tái cơ cấu nhằm xây dựng mô hình tổ chức theo hướng tinh gọn, chất lượng, hiệu quả phù hợp với thực tiễn hoạt động kinh doanh trong thời gian tới của Công ty.

**3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án:**

Công ty đang tìm kiếm đối tác để thành lập Pháp nhân mới đầu tư dự án khu nhà ở kết hợp thương mại, dịch vụ tại ngõ 1 phố Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, Hà Nội. Tuy nhiên cho đến nay việc tìm kiếm

và lựa chọn đối tác gặp nhiều khó khăn vì cần đảm bảo việc đánh giá năng lực của đối tác về kinh nghiệm cũng như khả năng tài chính đủ đáp ứng quy mô của dự án.

#### 4. Tình hình tài chính:

- Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018	% tăng giảm
- Tổng giá trị tài sản	Triệu đồng	177.486	175.649	98,96
- Tổng doanh thu	Triệu đồng	1.444.299	1.165.661	80,71
- Doanh thu thuần	Triệu đồng	1.439.796	1.158.040	80,43
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	12.871	21.917	170,28
- Lợi nhuận khác	Triệu đồng	233	61	26,04
- Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	13.104	21.977	167,72
- Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	9.885	17.487	176,90
- Nộp ngân sách	Triệu đồng	9.952	11.531	115,87
- Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức dự kiến	%	7,5	7,5	100

- Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018	Tăng, giảm
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	Lần	2,17	2,62	0,46
+ Hệ số thanh toán nhanh <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	Lần	1,91	2,53	0,61
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
+ Hệ số Nợ / Tổng tài sản	Lần	0,46	0,39	-0,08
+ Hệ số Nợ / Vốn chủ sở hữu	Lần	0,87	0,63	-0,24
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
+ Vòng quay hàng tồn kho <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân	Lần	111,77	101,02	-10,74
+ Doanh thu thuần / Tổng tài sản	Lần	8,11	6,59	-1,52



Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018	Tăng, giảm
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,69	1,51	0,82
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	10,40	16,19	5,79
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	5,57	9,96	4,39
+ Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	0,89	1,89	1,00

**5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

a) Cổ phần: Tổng số cổ phần của Công ty đang lưu hành là 6.000.000 cổ phần phổ thông, không có cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng.

b) Cơ cấu cổ đông: Theo danh sách người sở hữu chứng khoán ngày 14/8/2018 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp:

- Cổ đông lớn: Có 03 cổ đông lớn nắm giữ 4.685.814 cổ phần chiếm tỷ lệ 78,1% vốn điều lệ của Công ty.

- Cổ đông Nhà nước: Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam nắm giữ 3.578.614 cổ phần chiếm tỷ lệ 59,64% vốn điều lệ của Công ty.

- Cổ đông tổ chức: Có 05 cổ đông nắm giữ 4.085.583 cổ phần chiếm tỷ lệ 68,09% vốn điều lệ của Công ty.

+ Cổ đông tổ chức trong nước: Có 03 cổ đông nắm giữ 3.578.683 cổ phần chiếm tỷ lệ 59,64% vốn điều lệ của Công ty.

+ Cổ đông tổ chức nước ngoài: Có 02 cổ đông nắm giữ 506.900 cổ phần chiếm tỷ lệ 8,45% vốn điều lệ của Công ty.

- Cổ đông cá nhân: Có 387 cổ đông nắm giữ 1.914.417 cổ phần chiếm tỷ lệ 31,91% vốn điều lệ của Công ty.

+ Cổ đông cá nhân trong nước: Có 387 cổ đông nắm giữ 1.914.417 cổ phần chiếm tỷ lệ 31,91% vốn điều lệ của Công ty.

+ Cổ đông cá nhân nước ngoài: Không có cổ đông nào.

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu trong năm 2018: Không.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không.

e) Các chứng khoán khác: Không.

**6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty:**

a) Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.

- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.
- b) Chính sách liên quan đến người lao động:
  - Số lượng lao động tại thời điểm 01/01/2019 là: 140 người.
  - Tiền lương bình quân người LĐ năm 2018: 10.900.000 đồng/người/tháng.
  - Hoạt động đào tạo người lao động: Công ty cử CBCNV đi học các lớp đào tạo do Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam và các Công ty sản xuất xi măng tổ chức nhằm đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng, chuyên môn nghiệp vụ cho CBCNV của Công ty để nâng cao năng lực, đáp ứng tốt nhiệm vụ được giao.

### III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc:

#### 1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018:

##### a) Kinh doanh tiêu thụ xi măng:

*Đơn vị tính: Tấn.*

CHUNG LOẠI	KẾ HOẠCH NĂM 2018	THỰC HIỆN MUA VÀO			THỰC HIỆN BÁN RA		
		Tổng số	% so với KH	% so 2017	Tổng số	% so với KH	% so 2017
<b>Tổng số</b>	<b>1.520.000</b>	<b>1.134.948</b>	<b>74,7</b>	<b>76,0</b>	<b>1.163.489</b>	<b>76,5</b>	<b>78,8</b>
- Xuất khẩu	300.000	137.070	45,7	38,9	160.998	53,7	49,0
- XM nội địa	1.220.000	997.878	81,8	87,5	1.002.491	82,2	87,3

##### b) Công tác tài chính năm 2018:

*Đơn vị tính: Triệu đồng.*

Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	% so với kế hoạch	% so với năm 2017
- Tổng doanh thu	1.464.731	1.165.661	79,6	80,7
- Lợi nhuận trước thuế	12.513	21.977	175,6	167,7
- Ebitda	13.443	22.763	169,3	162,8
- Nộp ngân sách	8.766	11.531	131,5	115,9
- Tỷ lệ cổ tức dự kiến (%/năm)	7,5	7,5	100,0	100,0

##### c) Công tác lao động tiền lương năm 2018:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch	Thực hiện	% so KH	% so 2017
- Lao động bình quân	người	140	140	100,0	93,3
- Tổng quỹ tiền lương	1.000 đồng	18.500.000	19.260.000	104,1	99,3
- Tiền lương bq người LĐ	đ/người/tháng	10.460.000	10.900.000	104,2	107,7

d) Công tác đầu tư xây dựng năm 2018:

Công ty đang tìm kiếm đối tác để thành lập Pháp nhân mới đầu tư dự án khu nhà ở kết hợp thương mại, dịch vụ tại ngõ 1 phố Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, Hà Nội. Tuy nhiên cho đến nay việc tìm kiếm và lựa chọn đối tác gặp nhiều khó khăn vì cần đảm bảo việc đánh giá năng lực của đối tác về kinh nghiệm cũng như khả năng tài chính đủ đáp ứng quy mô của dự án.

2. Đánh giá tình hình thực hiện mục tiêu sản xuất kinh doanh năm 2018:

- Về chỉ tiêu lợi nhuận: Vượt mục tiêu đề ra.

- Về công tác thị trường và bán hàng:

+ Đã kịp thời sắp xếp, thay đổi mô hình tổ chức tiêu thụ; mở rộng, khai thác thêm khách hàng, tiếp nhận và quản lý các địa bàn, các NPP mới theo chính sách phân chia, ổn định địa bàn của các Công ty sản xuất xi măng; kịp thời điều chỉnh cơ chế, chính sách bán hàng phù hợp với diễn biến thị trường, để đẩy mạnh tiêu thụ. Tổ chức tốt việc chăm sóc khách hàng, hội nghị khách hàng theo kế hoạch hàng năm.

+ Phối hợp tốt với các Công ty sản xuất xi măng và các đơn vị vận tải để đảm bảo chân hàng đáp ứng nhu cầu tiêu thụ xi măng tại các địa bàn.

- Công tác vận tải, bốc xếp: Mặc dù Công ty đã linh hoạt hơn trong công tác điều phối, phối hợp với các đơn vị vận tải, bốc xếp, thực hiện hỗ trợ chi phí đối với các phương tiện vận chuyển thủy trong những thời điểm thực hiện chiến dịch về sản lượng hoặc khi điều kiện vận chuyển gặp khó khăn; nhưng do Công ty không có phương tiện vận tải, bốc xếp nên trong điều hành, có lúc vẫn còn bất cập.

- Về quản lý tài chính, quản lý công nợ bán hàng, xử lý nợ khó đòi:

+ Công nợ có những chuyển biến tích cực, Công ty đã xây dựng được một số quy chế, quy trình nhằm giám sát chặt chẽ quá trình giao nhận hàng hóa và quản lý công nợ hiệu quả hơn.

- Về công tác tổ chức, lao động, tiền lương:

+ Đã kịp thời thực hiện sắp xếp, bố trí lao động, cơ cấu lại tổ chức theo phương án tái cơ cấu; tuy nhiên mới chỉ dừng ở điều chỉnh về mặt cơ học, chưa gắn với chức năng nhiệm vụ, mô tả công việc... do đó việc phân công lao động ở một số vị trí, bộ phận chưa hợp lý.

+ Đảm bảo tiền lương, thu nhập của người lao động tăng so với năm 2017.

- Về quản trị nội bộ:

+ Trước việc thay đổi mô hình tổ chức theo phương án tái cơ cấu, Công ty đã xây dựng được một số các quy định, quy chế về quản lý tài chính, quản lý công nợ, quản lý bán hàng... để phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty trong giai đoạn hiện nay.

+ Đã triển khai xây dựng, ứng dụng CNTT trong công tác bán hàng, quản lý khách hàng, quản lý công nợ.

### 3. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài sản: Năm 2018 tổng cộng tài sản giảm so với năm 2017 là 1,837 tỷ đồng do các chỉ tiêu như là tiền, các khoản phải thu ngắn hạn, hàng tồn kho giảm so với cùng kỳ năm 2017. Nợ phải thu xấu đã được Công ty trích lập dự phòng theo quy định.

b) Tình hình nợ phải trả: Năm 2018 nợ phải trả giảm so với năm 2017 là 14,823 tỷ đồng do các chỉ tiêu như là người mua trả tiền trước ngắn hạn, thuế và các khoản phải nộp Nhà nước giảm so với cùng kỳ năm 2017.

### 4. Nhiệm vụ, mục tiêu năm 2019:

#### a) Kinh doanh tiêu thụ xi măng:

<b>Tổng số</b>	<b>:</b>	<b>1.180.000 tấn</b>
<i>Trong đó</i>	:	
- XM nội địa	:	980.000 tấn
- Xuất khẩu	:	200.000 tấn
<b>Theo chủng loại XM</b>	:	
- Xi măng Hoàng Thạch	:	800.000 tấn.
- Xi măng Bim Sơn	:	60.000 tấn.
- Xi măng Bút Sơn	:	185.000 tấn.
- Xi măng Hải Phòng	:	40.000 tấn.
- Xi măng Tam Điệp	:	95.000 tấn.

#### b) Công tác tài chính năm 2019:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mục tiêu
- Tổng doanh thu	triệu đồng	1.231.247
- Lợi nhuận trước thuế	triệu đồng	15.011
- Nộp ngân sách	triệu đồng	9.850
- Tỷ lệ cổ tức dự kiến	% / năm	7,5

#### c) Công tác lao động tiền lương năm 2019:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mục tiêu
- Tổng quỹ tiền lương	1.000 đồng	17.000.000
- Tiền lương bình quân người lao động	đồng/người/tháng	11.000.000

## 5. Những biện pháp chủ yếu thực hiện mục tiêu năm 2019:

Để thực hiện được các mục tiêu nhiệm vụ năm 2019 trong điều kiện phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, Công ty cần tập trung chỉ đạo và tổ chức thực hiện tốt những biện pháp chủ yếu sau đây:

- Thực hiện nghiêm sự chỉ đạo của Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam, tăng cường mối quan hệ hợp tác với các Công ty sản xuất. Thường xuyên trao đổi thông tin để phối hợp quản lý kiểm soát chặt chẽ xi măng về đúng địa bàn, hạn chế đến mức thấp nhất việc cạnh tranh nội bộ, tạo nên sự bình đẳng trong kinh doanh đem lại hiệu quả sản xuất kinh doanh cho Công ty.

- Căn cứ vào mục tiêu sản xuất kinh doanh của Công ty, xây dựng mục tiêu sản xuất kinh doanh cho từng đơn vị và xác định thị phần mà các đơn vị nắm giữ trên từng địa bàn để đảm bảo sản lượng tiêu thụ đạt và vượt mục tiêu Công ty giao cho.

- Từng bước chủ động trong khâu tổ chức, quản lý phương tiện vận tải và nguồn xi măng về địa bàn. Theo dõi sát diễn biến của thị trường, điều chỉnh cơ chế hợp lý, phù hợp với thị trường nhằm đẩy mạnh sản lượng tiêu thụ và nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty.

- Tăng cường và củng cố mối quan hệ với khách hàng và bạn hàng truyền thống thông qua việc thăm hỏi, giao lưu để giữ được bạn hàng. Tiết kiệm triệt để chi phí quản lý, chi phí bán hàng để nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty.

- Từng bước cải tiến cơ cấu tổ chức, cơ chế và phương thức kinh doanh để phù hợp với diễn biến thị trường. Tăng cường công tác kiểm tra kỷ luật lao động. Đôn đốc công tác thu hồi công nợ, đặc biệt đối với số nợ tồn đọng để thu hồi vốn về cho Công ty. Tiếp tục thực hiện công tác định biên và sắp xếp lại lao động tại các đơn vị theo hướng tinh gọn, hiệu lực và hiệu quả trong công việc.

- Nghiên cứu triển khai phương án kinh doanh xi măng đảm bảo tính chủ động, gọn nhẹ, hiệu quả và phù hợp với xu thế thị trường trong thời gian tới.

- Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng tập trung giải quyết dứt điểm số công nợ tồn đọng lâu để thu hồi vốn cho Công ty.

- Tập trung khai thác có hiệu quả cơ sở vật chất hiện có của Công ty tại Hà Nội và các tỉnh.

## IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm 2018 và tình hình thực hiện so với mục tiêu:

- Sản lượng xi măng tiêu thụ: 1.163.489 tấn đạt 76,5% kế hoạch.

- Tổng doanh thu: 1.165,661 tỷ đồng đạt 79,6% mục tiêu NQ ĐHCĐ 2018.

- Nộp ngân sách: 11,531 tỷ đồng đạt 131,5% mục tiêu NQ ĐHCĐ 2018.

- Lợi nhuận trước thuế: 21,977 tỷ đồng đạt 175,6% mục tiêu NQ ĐHCĐ 2018.

- Cổ tức: 7,5 % / năm đạt 100% mục tiêu NQ ĐHCĐ 2018.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty:

- Hội đồng quản trị Công ty đã hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ quy định tại Điều lệ Công ty, tạo điều kiện để Ban điều hành Công ty chủ động điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty với mục tiêu phấn đấu hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Hội đồng quản trị Công ty thường xuyên giám sát hoạt động của Giám đốc và Ban điều hành Công ty thông qua các báo cáo họp giao ban hàng tháng, quý, năm của Giám đốc; Thông qua các báo cáo của Giám đốc trong các phiên họp của Hội đồng quản trị; Thông qua báo cáo một số công việc trọng yếu của Công ty; Thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Trong năm 2018 Giám đốc và Ban điều hành Công ty đã chấp hành và thực hiện tốt các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018, tập trung điều hành sản xuất kinh doanh. Kết quả năm 2018 Công ty đã thực hiện nộp ngân sách theo đúng quy định, chỉ tiêu lợi nhuận vượt so với mục tiêu, thu nhập của CBCNV được cải thiện, tăng so với năm 2017.

### 3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

Nhằm phấn đấu hoàn thành mục tiêu năm 2019 và các năm tiếp theo, Hội đồng quản trị cùng Ban Giám đốc Công ty cần tập trung chỉ đạo và giải quyết những vấn đề sau:

- Tiếp tục ổn định và đẩy mạnh việc kinh doanh xi măng, tìm mọi biện pháp để chỉ đạo thực hiện hoàn thành mục tiêu sản xuất kinh doanh năm 2019. Đảm bảo tỷ lệ cổ tức chi trả cho các cổ đông theo mục tiêu Công ty xây dựng được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

- Tập trung chỉ đạo công tác đầu tư xây dựng theo đúng chủ trương đề ra.

- Tiếp tục chỉ đạo xây dựng các quy chế quản lý nội bộ, rà soát chi phí, thực hiện tiết kiệm để có điều kiện giảm chi phí bán hàng, nâng cao hiệu quả kinh doanh và khả năng cạnh tranh của công ty.

- Tiếp tục thực hiện tái cơ cấu Công ty theo hướng xây dựng mô hình tổ chức phù hợp với thực tiễn hoạt động kinh doanh trong thời gian tới. Định biên, sắp xếp, bố trí lại nhân sự theo hướng tinh gọn, chất lượng, hiệu quả; Xây dựng hệ thống phân phối tiền lương, hệ thống đánh giá nhân viên gắn với năng suất và hiệu quả công việc. Tiếp tục cải tiến cơ chế và phương thức kinh doanh của Công ty, thường xuyên đôn đốc, kiểm tra công tác kỷ luật lao động, công tác quản lý tiền, hàng và thu hồi công nợ, không để xảy ra tình trạng công nợ dây dưa kéo dài, khó đòi.

- Tiếp tục thực hiện đầy đủ chính sách, giải quyết tốt việc làm, thu nhập và đời sống đối với người lao động. Từng bước thực hiện việc đào tạo, đào tạo lại để nâng cao năng lực, trình độ CB.CNV ở các cấp đáp ứng yêu cầu công việc.

## V. Quản trị Công ty:

### 1. Hội đồng quản trị:

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

- Ông Doãn Nam Khánh - Chủ tịch Hội đồng quản trị - Thành viên độc lập.

Số cổ phần đại diện nắm giữ: 2.385.614 cổ phần, chiếm tỷ lệ 39,76 % vốn điều lệ của Công ty.

- Ông Bùi Văn Luyện - Thành viên Hội đồng quản trị - Giám đốc Công ty.

Số cổ phần đại diện nắm giữ: 1.193.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 19,88 % vốn điều lệ của Công ty.

- Ông Đặng Phúc Tân - TV Hội đồng quản trị - Phó Giám đốc Công ty.

Số cổ phần sở hữu: 12.300 cổ phần, chiếm 0,205% vốn điều lệ của Cty.

- Ông Đỗ Ngọc Thạch - TV HĐQT quản trị - Thành viên không điều hành.

Số cổ phần sở hữu: 601.500 cổ phần chiếm tỷ lệ 10,025 % vốn điều lệ của Công ty.

- Bà Phan Thị Tố Oanh - TV Hội đồng quản trị - Phó phòng Bán hàng.

Số cổ phần sở hữu: 11.700 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,195 % vốn điều lệ của Công ty.

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không thành lập các tiểu ban.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- **Hội đồng quản trị Công ty đã họp 05 phiên:**

+ Ngày 12/01/2018 Hội đồng quản trị Công ty đã họp phiên họp định kỳ quý 4/2017: Biên bản họp số 48/BB-HĐQT ngày 12/01/2018.

+ Ngày 04/4/2018 Hội đồng quản trị Công ty đã họp phiên họp định kỳ quý 1/2018: Biên bản họp số 398/BB-HĐQT ngày 04/4/2018.

+ Ngày 20/4/2018 Hội đồng quản trị Công ty đã họp bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty: Biên bản họp số 479/BB-HĐQT ngày 20/4/2018.

+ Ngày 16/7/2018 Hội đồng quản trị Công ty đã họp phiên họp định kỳ quý 3/2018: Biên bản họp số 808/BB-HĐQT ngày 16/7/2018.

+ Ngày 12/10/2018 Hội đồng quản trị Công ty đã họp phiên họp định kỳ quý 4/2018: Biên bản họp số 1213/BB-HĐQT ngày 12/10/2018.

**Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành 18 Nghị quyết và Quyết định:**

Số TT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
01	07b/NQ-HĐQT	02/01/2018	Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng năm 2018
02	32/NQ-HĐQT	08/01/2018	Bổ nhiệm cán bộ
03	33/NQ-HĐQT	08/01/2018	Bổ nhiệm lại cán bộ
04	49/NQ-HĐQT	12/01/2018	Nghị quyết phiên họp định kỳ quý 4 năm 2017
05	77/QĐ-TMXM	22/01/2018	Bổ nhiệm cán bộ
06	321/QĐ-TMXM	23/3/2018	Thành lập Ban tổ chức chuẩn bị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018
07	325/NQ-HĐQT	23/3/2018	Kế hoạch và các nội dung trình thông qua tại

Số TT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
			Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018
08	399/NQ-HĐQT	04/4/2018	Nghị quyết phiên họp định kỳ quý 1 năm 2018
09	457/NQ-HĐQT	18/4/2018	Phương án Kiện toàn nhân sự Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng Công ty
10	480/NQ-HĐQT	20/4/2018	Kiện toàn nhân sự Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng Công ty
11	732/NQ-HĐQT	21/6/2018	Ký hợp đồng tư vấn chuyên giao kỹ năng quản lý và phát triển thị trường với Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam
12	809/NQ-HĐQT	16/7/2018	Nghị quyết phiên họp định kỳ quý 3 năm 2018
13	905/QĐ-TMXXM	17/7/2018	Trả cổ tức năm 2017
14	1096/NQ-HĐQT	17/9/2018	Nghị quyết phân công nhiệm vụ của các Thành viên Hội đồng quản trị
15	1132/QĐ-TMXXM	27/9/2018	Thành lập Ban xây dựng phương án tái cơ cấu giai đoạn 2018 - 2020
16	1214/NQ-HĐQT	12/10/2018	Nghị quyết phiên họp định kỳ quý 4 năm 2018
17	1480/NQ-HĐQT	26/12/2018	Ký hợp đồng mua, bán xi măng năm 2019
18	1481/NQ-HĐQT	26/12/2018	Ký hợp đồng mua bán xi măng (NPP) 4 tháng đầu năm 2019 với Công ty TNHH Thương mại và xây dựng Vượng Anh

- **Nội dung các cuộc họp Hội đồng quản trị:** Kiểm điểm việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh trong quý, năm, xây dựng mục tiêu, chương trình công tác quý sau, năm sau; Thông qua các nội dung Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm; Phân tích, thảo luận và đi đến thống nhất quyết định các vấn đề về nhân sự, về sản xuất kinh doanh và các vấn đề khác của Công ty.

**2. Ban Kiểm soát:**

a) Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát:

- Ông Đặng Thành Công - Trưởng ban.

Số cổ phần sở hữu: 0 cổ phần.

- Bà Lê Thị Thu Hà - Thành viên Ban Kiểm soát.

Số cổ phần sở hữu: 0 cổ phần.

- Bà Trần Thị Hải Nga - Thành viên Ban Kiểm soát.

Số cổ phần sở hữu: 1.000 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,016 % vốn điều lệ của Công ty.

b) Hoạt động của Ban Kiểm soát:

- Ban Kiểm soát đã tổ chức các cuộc họp định kỳ và tham dự các cuộc họp



của Hội đồng quản trị Công ty. Ban Kiểm soát đã tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty năm 2018.

- Số lượng các cuộc họp Ban Kiểm soát: 04 buổi.

- Nội dung các cuộc họp Ban Kiểm soát:

- + Giám sát trình tự thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc.

- + Giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 đối với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.

- + Thẩm định báo cáo tài chính bán niên và năm tài chính 2018 đã được Công ty TNHH An Việt thực hiện kiểm toán độc lập.

- + Giám sát tình hình công nợ đến 31/12/2018, Bản đối chiếu công nợ, xác nhận nợ.

- + Một số nhiệm vụ khác phát sinh trong năm.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát:

a) Các khoản thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Giám đốc và Ban Kiểm soát:

- Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị: Trong năm 2018 tiền thù lao đã chi đối với các thành viên Hội đồng quản trị Công ty đúng như mức thù lao đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, tổng số tiền đã chi là 276.000.000 đồng.

- Thù lao của các thành viên Ban Kiểm soát: Trong năm 2018 tiền thù lao đã chi đối với các thành viên Ban Kiểm soát Công ty đúng như mức thù lao đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, tổng số tiền đã chi là 87.000.000 đồng.

- Quỹ tiền lương năm 2018 của Giám đốc Công ty cổ phần Vicem Thương mại xi măng là 550,937 triệu đồng.

- Thù lao cho từng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

- + Chủ tịch Hội đồng quản trị : 6.000.000 đồng/tháng.

- + Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Cty : 5.000.000 đồng/tháng.

- + Thành viên Hội đồng quản trị : 4.000.000 đồng/người/tháng.

- + Trưởng Ban kiểm soát : 4.000.000 đồng/tháng.

- + Thành viên Ban kiểm soát : 3.000.000 đồng/người/tháng.

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Giao dịch của cổ đông lớn:

T T	Tên cổ đồng (Tổ chức, cá nhân)	Số CP nắm giữ trước khi giao dịch	Tỷ lệ %	Giao dịch trong kỳ				Số CP nắm giữ sau khi giao dịch	Tỷ lệ %	Ghi chú
				Mua		Bán				
				Ngày mua	Số lượng CP	Ngày bán	Số lượng CP			
1	AMERICA LLC							506.700	8,45	DS cổ đông chốt ngày 29/3/2018
2	AMERICA LLC							505.700	8,43	DS cổ đông chốt ngày 14/8/2018

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không.

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Công ty tuân thủ và thực hiện đúng các quy định về quản trị Công ty.

## VI. Báo cáo tài chính:

1. Ý kiến kiểm toán: Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Vicem Thương mại xi măng tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (*Có toàn văn Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán kèm theo*).

### Nơi nhận:

- Như trên;
- Các thành viên HĐQT;
- Ban Giám đốc;
- TB. Kiểm soát;
- P.TCKT, KHTT;
- Website của Cty;
- Lưu: VT, T.ký Cty.

*gph*



**Bùi Văn Luyện**

**CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THƯƠNG MẠI XI MĂNG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Hà Nội, tháng 03 năm 2019

**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2-3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5-6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9-26

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vicem Thương mại Xi măng (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng quản trị**

Ông Doãn Nam Khánh	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 20/4/2018)
Ông Lê Nam Khánh	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 20/4/2018)
Ông Bùi Văn Luyện	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 20/4/2018)
Ông Ngô Đức Lưu	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 20/4/2018)
Ông Văn Quang Đức	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 20/4/2018)
Ông Đặng Phúc Tân	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 20/4/2018)
Bà Phan Thị Tố Oanh	Ủy viên
Ông Đỗ Ngọc Thạch	Ủy viên

#### **Ban Giám đốc**

Ông Bùi Văn Luyện	Giám đốc (bổ nhiệm ngày 24/4/2018)
Ông Ngô Đức Lưu	Giám đốc (miễn nhiệm ngày 24/4/2018)
Ông Đặng Phúc Tân	Phó Giám đốc

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và thực hiện kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính được lập và trình bày tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.  
Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,

  
**Bùi Văn Luyện**  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2019

Số: 33 /2019/BCKT-AVI-TC1

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi:** Các cổ đông  
Hội đồng quản trị và Ban giám đốc  
Công ty Cổ phần Vicem Thương mại Xi măng

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vicem Thương mại Xi măng (“gọi tắt là Công ty”) được lập ngày 05/03/2019 và được trình bày từ trang 05 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Nguyễn Thương**  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
0308-2018-055-1

*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT**  
Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2019



**Bùi Quốc Trung**  
Kiểm toán viên  
Số GCN ĐKHN Kiểm toán 1937-2018-055-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

**MẪU SỐ B01 - DN**  
Đơn vị tính: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2018</b>	<b>01/01/2018</b>
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>171.030.039.103</b>	<b>173.045.405.161</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>99.545.369.759</b>	<b>82.177.721.527</b>
1. Tiền	111		39.545.369.759	44.177.721.527
2. Các khoản tương đương tiền	112		60.000.000.000	38.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>20.000.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		30.000.000.000	20.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>27.286.266.445</b>	<b>49.617.942.425</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	52.732.204.955	80.094.166.391
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		5.248.862.601	7.490.814.301
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	2.248.706.659	937.359.237
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	13	(32.943.507.770)	(38.904.397.504)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>6.383.013.270</b>	<b>20.412.735.809</b>
1. Hàng tồn kho	141		6.383.013.270	20.412.735.809
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>7.815.389.629</b>	<b>837.005.400</b>
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		7.722.968.171	-
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		92.421.458	837.005.400
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>4.618.909.215</b>	<b>4.440.703.377</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>2.572.865.598</b>	<b>3.358.804.314</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	2.572.865.598	3.165.304.314
- Nguyên giá	222		18.642.100.678	19.018.217.864
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(16.069.235.080)	(15.852.913.550)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	-	193.500.000
- Nguyên giá	228		522.000.000	522.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(522.000.000)	(328.500.000)
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>2.046.043.617</b>	<b>1.081.899.063</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	2.046.043.617	1.081.899.063
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>175.648.948.318</b>	<b>177.486.108.538</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

**MẪU SỐ B01 - DN**  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018		01/01/2018	
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>67.640.909.882</b>		<b>82.464.794.374</b>	
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>65.187.398.520</b>		<b>79.810.283.012</b>	
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	42.474.322.988		36.560.193.563	
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		6.465.072.308		21.546.491.195	
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	639.461.563		1.733.119.334	
4. Phải trả người lao động	314		9.912.061.371		6.667.070.371	
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	3.827.583.627		1.894.991.288	
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	796.154.477		960.185.075	
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.072.742.186		10.448.232.186	
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>2.453.511.362</b>		<b>2.654.511.362</b>	
1. Phải trả dài hạn khác	337	17	2.453.511.362		2.654.511.362	
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>108.008.038.436</b>		<b>95.021.314.164</b>	
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>18</b>	<b>108.008.038.436</b>		<b>95.021.314.164</b>	
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		60.000.000.000		60.000.000.000	
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		60.000.000.000		60.000.000.000	
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		22.090.195.705		22.090.195.705	
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		3.252.394.869		3.252.394.869	
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		22.665.447.862		9.678.723.590	
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		5.178.723.590		4.986.252.357	
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		17.486.724.272		4.692.471.233	
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>175.648.948.318</b>		<b>177.486.108.538</b>	

Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2019

Người lập



Phan Thái Hoàng

Phụ trách Kế toán - Tài chính



Trịnh Ngọc Thắng

Giám đốc



Bùi Văn Luyện

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**MẪU SỐ B02- DN**  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết		Năm 2018	Năm 2017
	số	minh		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	1.204.144.844.617	1.477.325.876.796
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		46.104.662.181	37.529.861.995
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.158.040.182.436	1.439.796.014.801
4. Giá vốn hàng bán	11	21	1.107.378.073.377	1.391.918.946.394
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		50.662.109.059	47.877.068.407
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	5.989.462.932	3.691.209.782
7. Chi phí tài chính	22		833.035	21.389.280
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	23	18.623.426.292	20.282.389.323
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	16.110.749.025	18.393.564.022
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		21.916.563.639	12.870.935.564
11. Thu nhập khác	31	25	1.631.456.308	812.123.055
12. Chi phí khác	32	26	1.570.850.240	579.341.453
13. Lợi nhuận khác	40		60.606.068	232.781.602
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		21.977.169.707	13.103.717.166
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	4.490.445.435	3.218.628.125
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		17.486.724.272	9.885.089.041
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	2.914	782

Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2019

Người lập



Phan Thái Hoàng

Phụ trách Kế toán - Tài chính



Trịnh Ngọc Thắng

Giám đốc



Bùi Văn Luyện

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

**MẪU SỐ B03 - DN**  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2018	Năm 2017
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	21.977.169.707	13.103.717.166
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	785.938.716	881.790.630
- Các khoản dự phòng	03	(5.960.889.734)	1.056.792.829
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	211.431	21.389.280
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(5.067.311.309)	(2.519.913.294)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	11.735.118.811	12.543.776.611
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	21.314.181.485	16.208.113.105
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	14.029.722.539	(10.519.124.530)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(5.858.920.064)	26.211.352.378
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(5.171.411.117)	(1.865.008.165)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(9.375.490.000)	(748.316.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20	<b>26.673.201.654</b>	<b>41.830.793.399</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	(267.918.182)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	38.181.818	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(10.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	13.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.029.129.491	2.519.913.294
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30	<b>(4.932.688.691)</b>	<b>15.251.995.112</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(4.372.653.300)	(2.941.460.400)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40	<b>(4.372.653.300)</b>	<b>(2.941.460.400)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	50	<b>17.367.859.663</b>	<b>54.141.328.111</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	60	<b>82.177.721.527</b>	<b>28.057.782.696</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(211.431)	(21.389.280)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	70	<b>99.545.369.759</b>	<b>82.177.721.527</b>

Người lập



Phan Thái Hoàng

Phụ trách Kế toán - Tài chính



Trịnh Ngọc Thắng

Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2019

Giám đốc



Bùi Văn Luyện

# CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THƯƠNG MẠI XI MĂNG

Số 348 đường Giải Phóng - Quận Thanh Xuân - Hà Nội

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vicem Thương mại Xi măng hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu ngày 02/07/2007 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100105694 thay đổi lần thứ 8 ngày 07/05/2018.

Vốn điều lệ là 60.000.000.000 VND. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết và giao dịch trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là TMX.

#### Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Cung ứng và quản lý nguồn lao động;
- Đại lý du lịch;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Buôn bán thực phẩm.
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu; kinh doanh vật tư, thiết bị, phụ tùng, phụ gia, bao bì (phục vụ sản xuất xi măng, dân dụng và công nghiệp);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Kinh doanh các mặt hàng điện tử, điện máy, điện lạnh, ô tô, xe máy, xe đạp;
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Vận tải hành khách ven biển và viễn dương;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu.

#### Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

#### Cấu trúc công ty

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 348 Đường Giải Phóng, Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội. Công ty có một Đơn vị trực thuộc là Chi nhánh Thái Nguyên tại Phường Phú Xá, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên hoạt động bán xi măng. Toàn bộ hoạt động của Chi nhánh Thái Nguyên được hạch toán tập trung tại Văn phòng Công ty (không lập báo cáo tài chính riêng của Chi nhánh).

### 2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

### **3. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính, Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### **4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

#### **Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ một số thông tin liên quan đến lưu chuyển tiền tệ), theo nguyên tắc giá gốc, dựa trên giả thiết hoạt động liên tục.

#### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán, bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, được ghi nhận phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

#### **Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng, xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: Phải thu về lãi cho vay, lãi tiền gửi; các khoản đã chi hộ; các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác; phải thu về tiền phạt, bồi thường; các khoản tạm ứng; cầm cố, ký cược, ký quỹ, cho mượn tài sản...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là phải thu dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ trên sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành, chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, như:

- Thay đổi bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng thời gian sử dụng hữu ích, hoặc làm tăng công suất sử dụng của chúng; hoặc
- Cải tiến bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng đáng kể chất lượng sản phẩm sản xuất ra; hoặc
- Áp dụng quy trình công nghệ sản xuất mới làm giảm chi phí hoạt động của tài sản so với trước.

Các chi phí phát sinh để sửa chữa, bảo dưỡng nhằm mục đích khôi phục hoặc duy trì khả năng đem lại lợi ích kinh tế của tài sản theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu, không thỏa mãn một trong các điều kiện trên, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản phù hợp với khung khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

	<b>Năm</b>
Nhà cửa vật kiến trúc	10 - 50
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị quản lý	03 - 06

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc, phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Việc khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

# CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THƯƠNG MẠI XI MĂNG

Số 348 đường Giải Phóng - Quận Thanh Xuân - Hà Nội

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm: Phải trả về lãi vay; cổ tức và lợi nhuận phải trả; chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả; các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; mượn tài sản; phải trả về tiền phạt, bồi thường; tài sản phát hiện thừa chưa rõ nguyên nhân; phải trả về các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn; các khoản nhận ký cược, ký quỹ...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng xảy ra, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

### **Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về các khoản chi phí thực tế phải trả, số tiền phải trả cho các dịch vụ đã sử dụng trong năm do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán.

### **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cho thuê bất động sản được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

**Doanh thu hoạt động tài chính** bao gồm: lãi tiền gửi và các khoản chiết khấu thanh toán... Cụ thể như sau:

- Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng theo thông báo của ngân hàng;
- Chiết khấu thanh toán được ghi nhận theo thông báo của các nhà cung cấp trên cơ sở chính sách bán hàng của nhà cung cấp từng giai đoạn và số tiền Công ty trả trước cho các nhà cung cấp.

### **Công cụ tài chính**

#### ***Ghi nhận ban đầu***

*Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

#### *Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay, chi phí phải trả.

#### **Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

#### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam.

#### **Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác.

Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột).



**CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THƯƠNG MẠI XI MĂNG**

Số 348 đường Giải Phóng - Quận Thanh Xuân - Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND
Tiền mặt	3.061.414.810	6.548.428.000
Tiền gửi ngân hàng	36.483.954.949	37.629.293.527
Các khoản tương đương tiền (*)	60.000.000.000	38.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>99.545.369.759</u></b>	<b><u>82.177.721.527</u></b>

(\*): Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng tại Hội sở Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT và tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong - chi nhánh Hoàn Kiếm với lãi suất từ 4,6%/năm đến 5,1%/năm.

**6. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

Là khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng nhưng dưới 1 năm với lãi suất 5,5%/năm tại Công ty Tài chính Cổ phần Tín Việt.

**7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND
Công ty CP Sản xuất và Thương mại P.P	-	13.021.850.996
Công ty TNHH Sản xuất vật liệu mới Á Âu	7.417.003.850	7.417.003.850
Công ty Cổ phần TM và Dịch vụ vận tải An Châu	996.254.235	1.988.965.675
Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Vượng Anh	2.767.752.424	3.819.728.573
Nguyễn Cao Sơn - CH65	5.183.454.449	5.183.454.449
Các khách hàng khác	36.367.739.997	48.663.162.848
<b>Cộng</b>	<b><u>52.732.204.955</u></b>	<b><u>80.094.166.391</u></b>

**8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>31/12/2018</u>		<u>01/01/2018</u>	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tạm ứng	-	-	4.300.000	-
Thuế thu nhập cá nhân của người lao động	2.043.118.751	-	714.095.329	-
Các khoản khác	205.587.908	-	218.963.908	-
<b>Cộng</b>	<b><u>2.248.706.659</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>937.359.237</u></b>	<b><u>-</u></b>

**9. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng đang đi trên đường	2.903.876.152	-	16.668.546.381	-
Hàng hoá	3.479.137.118	-	3.744.189.428	-
<b>Cộng</b>	<b>6.383.013.270</b>	<b>-</b>	<b>20.412.735.809</b>	<b>-</b>

**10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng
	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại ngày 01/01/2018	15.804.010.443	2.846.285.463	367.921.958	19.018.217.864
Thanh lý, nhượng bán	-	(376.117.186)	-	(376.117.186)
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>	<b>15.804.010.443</b>	<b>2.470.168.277</b>	<b>367.921.958</b>	<b>18.642.100.678</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Tại ngày 01/01/2018	13.627.577.028	2.000.303.198	225.033.324	15.852.913.550
Khấu hao trong năm	358.729.620	170.203.032	63.506.064	592.438.716
Thanh lý, nhượng bán	-	(376.117.186)	-	(376.117.186)
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>	<b>13.986.306.648</b>	<b>1.794.389.044</b>	<b>288.539.388</b>	<b>16.069.235.080</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 01/01/2018	2.176.433.415	845.982.265	142.888.634	3.165.304.314
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>	<b>1.817.703.795</b>	<b>675.779.233</b>	<b>79.382.570</b>	<b>2.572.865.598</b>
<i>Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao vẫn còn sử dụng</i>	5.683.606.169	1.448.950.095	177.403.776	7.309.960.040

**11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Dự án chung cư cao tầng Giáp Nhị (1)	881.899.063	881.899.063
Dự án khu nhà ở tại Vĩnh Tuy (2)	200.000.000	200.000.000
Sửa chữa Nhà ăn ca và hội trường tầng 3 (3)	964.144.554	-
<b>Cộng</b>	<b>2.046.043.617</b>	<b>1.081.899.063</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THƯƠNG MẠI XI MĂNG**

Số 348 đường Giải Phóng - Quận Thanh Xuân - Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B09 - DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

- (1) Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 268/2010/HĐHTKD giữa Công ty Cổ phần Vicem Thương mại Xi măng và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Đà về việc các bên thỏa thuận hợp tác để thực hiện các thủ tục chuẩn bị đầu tư, xin chuyển đổi mục đích sử dụng của 7.804,7m<sup>2</sup> đất và đầu tư xây dựng kinh doanh khu chung cư cao tầng Giáp Nhì kết hợp trung tâm thương mại dịch vụ tại ngõ số 1, Phan Đình Giót, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.
- (2) Theo Hợp đồng tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng công trình số 192/2011/TMXM - QLDA ngày 26/02/2011, Công ty Cổ phần Vicem Thương mại Xi măng và Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Thiết kế Xây dựng Việt Nam (CDC) đã thống nhất việc lập dự án Đầu tư xây dựng khu nhà ở kết hợp trung tâm thương mại dịch vụ tại Vĩnh Tuy. Tuy nhiên, UBND Quận Hai Bà Trưng không đồng ý xây dựng chung cư cao tầng, chỉ chấp nhận chuyển đổi khu đất sang xây dựng công trình dịch vụ thương mại và văn phòng làm việc với quy mô thấp tầng.

Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 856/NQ-HĐQT ngày 24/10/2012, Công ty đã quyết định tạm dừng đầu tư 02 dự án nêu trên trong thời gian khoảng 3 năm. Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 299/NQ-HĐQT ngày 24/3/2017, Công ty đã đánh giá hiện trạng của dự án trên cơ sở các quy định mới về đầu tư, kinh doanh bất động sản của Nhà nước; xây dựng phương án báo cáo và xin ý kiến của Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam và đã được Tổng công ty thỏa thuận chủ trương đầu tư với phương án lựa chọn đối tác thành lập pháp nhân để đầu tư dự án theo đúng quy định của pháp luật.

- (3) Theo Quyết định số 1335/QĐ – TMXM ngày 20/11/2018 của Giám đốc về việc thực hiện công trình “Cải tạo sửa chữa nhà ăn ca, hội trường Công ty Cổ phần Vicem Thương mại Xi măng”. Nhà thầu thiết kế xây dựng là Công ty Cổ phần Tư vấn Kinh tế Kỹ thuật Xây dựng Việt Nam. Đơn vị thẩm tra dự toán thiết kế là Công ty Đầu tư Phát triển Xây dựng Mỹ Đình. Tổng giá trị dự toán xây dựng là 2.085.533.915 đồng (đã bao gồm thuế GTGT), trong đó chi phí xây lắp là 1.956.952.000 đồng, chi phí tư vấn là: 128.581.915 đồng.

**12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<b>Phần mềm máy tính</b>	<b>Tổng</b>
	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Tại ngày 01/01/2018	522.000.000	522.000.000
Tại ngày 31/12/2018	522.000.000	522.000.000
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Tại ngày 01/01/2018	328.500.000	328.500.000
Khấu hao trong năm	193.500.000	193.500.000
Tại ngày 31/12/2018	522.000.000	522.000.000
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày 01/01/2018	193.500.000	193.500.000
Tại ngày 31/12/2018	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THƯƠNG MẠI XI MĂNG**

Số 348 đường Giải Phóng - Quận Thanh Xuân - Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃU SỐ B09 - DN

**13. NỢ XẤU**

	31/12/2018		01/01/2018					
	Số ngày quá hạn	Giá trị ghi số VND	Giá trị ghi số VND	Số ngày quá hạn	Giá trị ghi số VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	
Công ty TNHH Sản xuất vật liệu mới Á Âu	Trên 3 năm	7.417.003.850	-	(7.417.003.850)	Trên 3 năm	7.417.003.850	-	(7.417.003.850)
Nguyễn Cao Sơn	Trên 3 năm	5.183.454.449	-	(5.183.454.449)	Trên 3 năm	5.183.454.449	-	(5.183.454.449)
Công ty TNHH Tùng Nam	Trên 3 năm	1.971.180.250	-	(1.971.180.250)	Trên 3 năm	4.566.180.250	-	(4.566.180.250)
Lê Thị Thu Huyền	Trên 3 năm	2.730.709.029	-	(2.730.709.029)	Trên 3 năm	2.842.213.029	-	(2.842.213.029)
Công ty TNHH MTV XN Thành An 115	Trên 3 năm	-	-	-	Trên 3 năm	2.879.296.627	-	(2.879.296.627)
Các khách hàng khác	Trên 3 năm	15.641.160.192	-	(15.641.160.192)		17.423.528.225	1.407.278.926	(16.016.249.299)
<b>Cộng</b>		<b>32.943.507.770</b>	<b>-</b>	<b>(32.943.507.770)</b>		<b>40.311.676.430</b>	<b>1.407.278.926</b>	<b>(38.904.397.504)</b>

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	36.732.602.486	36.732.602.486	17.439.750.129	17.439.750.129
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp	-	-	11.347.473.480	11.347.473.480
Phải trả cho các đối tượng khác	5.741.720.502	5.741.720.502	7.772.969.954	7.772.969.954
<b>Cộng</b>	<b>42.474.322.988</b>	<b>42.474.322.988</b>	<b>36.560.193.563</b>	<b>36.560.193.563</b>
<b>Phải trả người bán là các bên liên quan</b>				
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	226.586.328	226.586.328	428.376.492	428.376.492
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	36.732.602.486	36.732.602.486	17.439.750.129	17.439.750.129
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp	-	-	11.347.473.480	11.347.473.480
Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn	-	-	2.298.541.952	2.298.541.952

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2018	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2018
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	373.213.104	213.807.973	654.417.569	(67.396.492)
- Văn phòng Công ty	352.352.624	-	444.774.082	(92.421.458)
- Chi nhánh Thái Nguyên	20.860.480	213.807.973	209.643.487	25.024.966
Thuế xuất, nhập khẩu	(837.005.400)	837.005.400	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.269.793.579	4.490.445.435	5.171.411.117	588.827.897
Thuế thu nhập cá nhân	90.112.651	2.771.775.616	2.836.279.567	25.608.700
Tiền thuê đất, thuế nhà đất	-	2.807.882.199	2.807.882.199	-
Thuế khác	-	60.670.331	60.670.331	-
<b>Cộng</b>	<b>896.113.934</b>	<b>11.181.586.954</b>	<b>11.530.660.783</b>	<b>547.040.105</b>
<b>Trong đó:</b>				
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	1.733.119.334			639.461.563
Thuế và các khoản phải thu nhà nước	837.005.400			92.421.458

**16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Trích trước chi phí bán hàng	2.457.951.576	1.630.245.288
Trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	1.200.000.000	-
Các khoản chi phí khác	169.632.051	264.746.000
<b>Cộng</b>	<b>3.827.583.627</b>	<b>1.894.991.288</b>

**17. PHẢI TRẢ KHÁC**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>796.154.477</b>	<b>960.185.075</b>
- Kinh phí công đoàn	-	19.776.660
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	496.154.477	440.598.415
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	300.000.000	499.810.000
<b>Dài hạn</b>	<b>2.453.511.362</b>	<b>2.654.511.362</b>
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.453.511.362	2.654.511.362
<b>Cộng</b>	<b>3.249.665.839</b>	<b>3.614.696.437</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THƯƠNG MẠI XI MĂNG**  
Số 348 đường Giải Phóng - Quận Thanh Xuân - Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>	<b>60.000.000.000</b>	<b>3.252.394.869</b>	<b>22.090.195.705</b>	<b>13.049.776.962</b>	<b>98.392.367.536</b>
Lãi trong năm	-	-	-	9.885.089.041	9.885.089.041
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(13.256.142.413)	(13.256.142.413)
<b>Tại ngày 01/01/2018</b>	<b>60.000.000.000</b>	<b>3.252.394.869</b>	<b>22.090.195.705</b>	<b>9.678.723.590</b>	<b>95.021.314.164</b>
Lãi trong năm	-	-	-	17.486.724.272	17.486.724.272
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(4.500.000.000)	(4.500.000.000)
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>	<b>60.000.000.000</b>	<b>3.252.394.869</b>	<b>22.090.195.705</b>	<b>22.665.447.862</b>	<b>108.008.038.436</b>

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết số 476/NQ-ĐHCD ngày 20/4/2018 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 như sau: chia cổ tức (tỷ lệ 7,5%): 4.500.000.000 đồng, trích quỹ khen thưởng phúc lợi: 4.998.217.808 đồng và trích quỹ thưởng ban điều hành 194.400.000 đồng (năm 2017 Công ty đã tạm phân phối toàn bộ số quỹ khen thưởng phúc lợi và thưởng ban điều hành nêu trên).

**Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	35.786.140.000	35.786.140.000
Các đối tượng khác	24.213.860.000	24.213.860.000
<b>Cộng</b>	<b>60.000.000.000</b>	<b>60.000.000.000</b>

**Cổ phiếu**

	<b>31/12/2018</b>	<b>01/01/2018</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.000.000	6.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.000.000	6.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	6.000.000	6.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (Cổ phiếu quỹ)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.000.000	6.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	6.000.000	6.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu</b>		

**19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	<b>31/12/2018</b>	<b>01/01/2018</b>
Ngoại tệ các loại (USD)	234,56	1.294.148,50
Nợ khó đòi đã xử lý	79.674.450	79.674.450

**20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<b>Năm 2018</b>	<b>Năm 2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Doanh thu</b>	<b>1.204.144.844.617</b>	<b>1.477.325.876.796</b>
Doanh thu kinh doanh xi măng	1.180.270.747.188	1.461.895.067.000
Doanh thu cho thuê tài sản	8.076.520.406	8.087.682.621
Doanh thu bán Clinker	15.797.577.023	7.343.127.175
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>46.104.662.181</b>	<b>37.529.861.995</b>
Chiết khấu thương mại	46.104.662.181	37.529.861.995
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>1.158.040.182.436</b>	<b>1.439.796.014.801</b>

**21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<b>Năm 2018</b>	<b>Năm 2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá vốn xi măng	1.086.272.162.407	1.378.118.828.380
Giá vốn dịch vụ cho thuê tài sản	5.499.464.450	6.614.625.059
Giá vốn Clinker	15.606.446.520	7.185.492.955
<b>Cộng</b>	<b>1.107.378.073.377</b>	<b>1.391.918.946.394</b>

**22. DOANH THU TÀI CHÍNH**

	<b>Năm 2018</b>	<b>Năm 2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi ngân hàng	5.029.129.491	2.519.913.294
Chiết khấu thanh toán	643.854.251	1.171.296.488
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	316.479.190	-
<b>Cộng</b>	<b>5.989.462.932</b>	<b>3.691.209.782</b>

**23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>18.623.426.292</b>	<b>20.282.389.323</b>
Chi phí nhân viên	6.102.985.586	7.279.410.966
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	4.950.000	600.000
Chi phí khấu hao	56.087.472	56.087.472
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.024.234.345	1.956.225.050
Chi phí bằng tiền khác	10.435.168.889	10.990.065.835
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>16.110.749.025</b>	<b>18.393.564.022</b>
Chi phí nhân viên	13.496.205.326	11.212.759.944
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	682.362.333	728.812.224
Chi phí khấu hao TSCĐ	465.324.948	561.176.862
Thuế, phí lệ phí	176.436.182	186.275.362
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.302.263.747	1.394.876.655
Hoàn nhập/trích lập dự phòng phải thu khó đòi	(5.960.889.734)	1.056.792.829
Chi phí bằng tiền khác	3.949.046.223	3.252.870.146
<b>Cộng</b>	<b>34.734.175.317</b>	<b>38.675.953.345</b>

**24. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí nhân công	22.176.246.867	22.536.012.220
Chi phí công cụ, dụng cụ	687.312.333	729.412.224
Chi phí khấu hao tài sản cố định	785.938.716	881.790.630
Hoàn nhập/trích lập dự phòng phải thu khó đòi	(5.960.889.734)	1.056.792.829
Chi phí dịch vụ mua ngoài	51.232.769.031	38.585.850.446
Chi phí khác	14.560.651.294	16.735.468.796
<b>Cộng</b>	<b>83.482.028.507</b>	<b>80.525.327.145</b>

**25. THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ	38.181.818	-
Nhận hỗ trợ xi măng	1.218.784.400	576.919.100
Các khoản thu nhập khác	374.490.090	235.203.955
<b>Cộng</b>	<b>1.631.456.308</b>	<b>812.123.055</b>

**26. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi hỗ trợ khách hàng	1.203.664.000	51.000.000
Các khoản khác	367.186.240	528.341.453
<b>Cộng</b>	<b>1.570.850.240</b>	<b>579.341.453</b>



**27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	21.977.169.707	13.103.717.166
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>	216.969.785	645.250.733
- Trừ: Các khoản thu nhập không chịu thuế	-	-
- Cộng: Các khoản chi phí không được trừ	216.969.785	645.250.733
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>22.194.139.492</b>	<b>13.748.967.899</b>
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	4.438.827.898	2.749.793.579
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm nay	51.617.537	468.834.546
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>4.490.445.435</b>	<b>3.218.628.125</b>

**28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	17.486.724.272	9.885.089.041
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	5.192.617.808
<b>Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>17.486.724.272</b>	<b>4.692.471.233</b>
Số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	6.000.000	6.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)</b>	<b>2.914</b>	<b>782</b>

**29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Xi măng Hoàng Thạch	Đơn vị thành viên thuộc Tổng Công ty
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp	Đơn vị thành viên thuộc Tổng Công ty
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	Đơn vị thành viên thuộc Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	Đơn vị thành viên thuộc Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bim Sơn	Đơn vị thành viên thuộc Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	Đơn vị thành viên thuộc Tổng Công ty

Ngoài các giao dịch và số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của Báo cáo tài chính này, trong kỳ Công ty có giao dịch và số dư với các bên liên quan sau:

**Giao dịch với các bên liên quan**

	<u>Năm 2018</u>	<u>Năm 2017</u>
	VND	VND
<b>Mua hàng</b>		
Công ty TNHH MTV Xi măng Hoàng Thạch	758.755.086.710	809.781.695.513
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp	97.822.317.727	222.947.527.904
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	52.450.338.169	75.263.560.999
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	96.633.911.248	190.464.529.444
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bim Sơn	15.023.534.086	62.027.186.384
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	7.869.829.091	-
<b>Phí tư vấn</b>		
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	791.542.978	936.557.975
<b>Nhận khuyến mại, hỗ trợ</b>		
Công ty TNHH MTV Xi măng Hoàng Thạch	50.310.000	46.000.000
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	-	262.200.000
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp	15.120.400	248.719.100
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	10.000.000	20.000.000
<b>Chi trả cổ tức</b>		
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	2.683.960.500	1.789.307.000
<b>Chiết khấu thanh toán được hưởng</b>		
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	576.044.200	1.070.026.600
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	67.810.051	101.269.888
<b>Thu nhập của HĐQT và Ban giám đốc</b>	<b>2.780.591.000</b>	<b>2.167.064.000</b>

**Số dư với các bên liên quan**

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND
<b>Trả trước cho người bán</b>		
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hải Phòng	2.126.519.873	4.312.276.810
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	2.688.745.306	2.976.037.491
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp	231.097.422	-
<b>Phải trả khác</b>		
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn	-	176.810.000

**30. THUYẾT MINH CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THƯƠNG MẠI XI MĂNG**

Số 348 đường Giải Phóng - Quận Thanh Xuân - Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU SỐ B09 - DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**Các loại công cụ tài chính**

	<b>Giá trị ghi sổ 31/12/2018</b>	<b>Giá trị ghi sổ 01/01/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	99.545.369.759	82.177.721.527
Đầu tư ngắn hạn	30.000.000.000	20.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	22.037.403.844	42.122.828.124
<b>Cộng</b>	<b>151.582.773.603</b>	<b>144.300.549.651</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Phải trả người bán và phải trả khác	45.227.834.350	39.714.514.925
Chi phí phải trả	3.827.583.627	1.894.991.288
<b>Cộng</b>	<b>49.055.417.977</b>	<b>41.609.506.213</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

**Quản lý rủi ro về giá**

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hóa nhất định. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ thông tin và tình hình có liên quan của thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng và bán hàng. Công ty chưa sử dụng các công cụ tài chính phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

**Rủi ro tín dụng**

Chính sách của Công ty là chỉ giao dịch với các khách hàng có quá trình tín dụng tốt và thu được đủ tài sản đảm bảo phù hợp nhằm giảm rủi ro tín dụng. Đối với các tài sản tài chính khác, chính sách của Công ty là giao dịch với các tổ chức tài chính và các đối tác khác có xếp hạng tín nhiệm cao.

Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn, có kỳ hạn), phải thu của khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

- Các tài sản tài chính không quá hạn cũng không bị giảm giá

Tiền gửi ngân hàng không quá hạn cũng không bị giảm giá là các khoản tiền gửi chủ yếu tại các ngân hàng có xếp hạng tín nhiệm cao theo xác định của các cơ quan xếp hạng tín nhiệm quốc tế. Phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác không quá hạn cũng không bị giảm giá chủ yếu là từ các đối tượng có quá trình thanh toán tốt cho Công ty.

**- Tài sản tài chính quá hạn hoặc giảm giá**

	<u>31/12/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính quá hạn</b>		
Quá hạn trên 06 tháng đến dưới 01 năm	-	-
Quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	-	1.563.227.363
Quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	-	7.364.895.036
Quá hạn từ 03 năm trở lên	32.943.507.770	31.383.554.031
<b>Cộng</b>	<u><u>32.943.507.770</u></u>	<u><u>40.311.676.430</u></u>

Tài sản tài chính quá hạn (phải thu quá hạn) hoặc giảm giá nêu trên đã được Công ty phòng ngừa rủi ro bằng cách trích lập dự phòng theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính. Ngoài các khoản nêu trên, Công ty không có các nhóm tài sản tài chính quá hạn hoặc giảm giá khác.

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ tài chính được thanh toán bằng cách giao tiền mặt hoặc một tài sản tài chính khác. Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2018</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	42.774.322.988	2.453.511.362	45.227.834.350
Chi phí phải trả	3.827.583.627	-	3.827.583.627
<b>Tại ngày 01/01/2018</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	37.060.003.563	2.654.511.362	39.714.514.925
Chi phí phải trả	1.894.991.288	-	1.894.991.288

**Đo lường theo giá trị hợp lý**

Giá gốc trừ dự phòng (nếu có) đối với phải thu khách hàng, phải thu về cho vay, phải thu khác, phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

**31. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

**32. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán.

Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2019

Người lập

Phụ trách Kế toán - Tài chính

Giám đốc



Phan Thái Hoàng

Trịnh Ngọc Thắng

Bùi Văn Luyện